

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 08/2024/KDTM-GĐT

Ngày 11-6-2024

V/v tranh chấp quyền giữa các thành
viên công ty

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Ông Ngô Tiến Hùng;

Ông Nguyễn Văn Dũng;

Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp giữa các thành viên công ty*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Minh Q, sinh năm 1991; cư trú tại: Nhà số 92, D5D khu đấu giá 18,6ha, phường Phú T, quận Tây H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1962; cư trú tại: Nhà số I92 D5D khu đấu giá 18,6ha, phường Phú T, quận Tây H, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2018).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lương T, sinh năm 1958; cư trú tại: Nhà số 132 Tôn Đức T, phường Quốc Tử G, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nghiêm Thị H, sinh năm 1955; cư trú tại: Nhà số 240-K40 Giảng V, phường Cát L, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2017).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH K;

Địa chỉ: Nhà số 132 Tôn Đức T, phường Quốc Tử G, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lương T - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH K;

2. Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1967; cư trú tại: Nhà số 82, phố Tôn Đức T, phường Quốc Tử G, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim A: Ông Nguyễn Lương T, sinh năm 1958; cư trú tại: Nhà số 132 Tôn Đức T, phường Quốc Tử G, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2017).

3. Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1962;

4. Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1966;

Cùng cư trú tại: Nhà số 92, D5D khu đấu giá 18,6ha, phường Phú T, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1962 (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2016, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện các ngày 23/02/2017, 06/3/2017, 19/6/2017, 04/8/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q (do ông Đoàn Văn V là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Công ty TNHH K (viết tắt là Công ty K) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (viết tắt là GCNĐKDN) Công ty TNHH hai thành viên trở lên lần đầu ngày 03/5/1994, thay đổi lần thứ 05 ngày 31/10/2012, có vốn điều lệ là 100 tỷ đồng với 03 thành viên góp vốn gồm:

- Anh Đoàn Minh Q: giá trị góp vốn là 50.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ;

- Ông Nguyễn Lương T: giá trị góp vốn là 45.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 45% vốn điều lệ;

- Bà Nguyễn Kim A: giá trị góp vốn là 5.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 05% vốn điều lệ.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty K là ông Nguyễn Lương T, chức danh Giám đốc công ty.

Năm 2008, Công ty K trúng đấu giá quyền sử dụng đất Lô A - D4 Khu đô thị mới Cầu G, quận Cầu G, thành phố Hà Nội với diện tích 4.944,4m² theo Quyết định số 253/QĐ-TN&MT ngày 24/12/2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội.

Ngày 02/3/2012, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định số 1034/QĐ-UBND cho phép Công ty K chuyển mục đích sử dụng 4.944,4m² đất tại Lô A - D4 Khu đô thị mới Cầu G để xây dựng Khu nhà ở phố W.

Ngày 16/10/2012, bà Nguyễn Kim A và anh Đoàn Minh Q ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN-KA; theo đó, bà Kim A chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 45.000.000.000 đồng, chiếm 45% vốn điều lệ cho anh Q. Cùng ngày, ông Nguyễn Lương T và anh Q ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/HĐCN-KA; theo đó ông T chuyển nhượng phần vốn góp giá 5.000.000.000 đồng chiếm 05% vốn điều lệ cho anh Q. Các bên đều đã có giấy xác nhận về việc hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp và biên bản thanh lý hợp đồng thể hiện việc chuyển nhượng vốn giữa các bên đã được hoàn tất, các bên đã thực hiện xong thủ tục thanh toán phần vốn chuyển nhượng và các nghĩa vụ khác ghi trong hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày 11/01/2013, Hội đồng thành viên (viết tắt là HĐQT) Công ty K đã họp và thống nhất một số nội dung, trong đó có nội dung: Để đảm bảo tính độc lập và thống nhất của việc thực hiện Dự án khu nhà phố W với các hoạt động kinh doanh hàng ngày khác của Công ty K, thống nhất thành lập Chi nhánh của Công ty K để thực hiện dự án. Công ty K ủy quyền toàn bộ 100% việc thực hiện Dự án cho Chi nhánh, bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động sau: (1) quản lý tài chính của Dự án; (2) thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư tiếp theo; (3) quản lý dự án (lựa chọn nhà thầu, tổ chức thi công, giám sát, hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình...), (4) tổ chức huy động vốn và bán hàng (sản phẩm là nhà ở của Dự án); (5) lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho khách hàng...

Cho đến nay, ông T với tư cách là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty K không triển khai thực hiện quyết định nêu trên của HĐQT, không tiến hành các thủ tục để thành lập Chi nhánh và ủy quyền toàn bộ cho Chi nhánh trong việc triển khai Dự án khu nhà phố W. Ngoài ra, ông T đã tự ý triển khai xây dựng 04 căn nhà trong khu vực dự án. Việc ông T tiến hành các thủ tục này là vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 64 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và vi phạm Nghị quyết ngày 11/01/2013 của HĐQT Công ty K.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận Nghị quyết ngày 11/01/2013 của HĐQT Công ty K là hợp pháp, buộc Công ty K cùng với ông T và bà Kim A phải thành lập Chi nhánh của Công ty K để thực hiện Dự án Khu N và Công ty K phải ủy quyền toàn bộ 100% việc thực hiện Dự án cho Chi nhánh của Công ty K.

- Yêu cầu ông T phải chấm dứt ngay việc tự ý triển khai hoặc mạo danh Công ty K để triển khai xây thô các căn nhà tại diện tích đất của Dự án Khu N khi chưa có Nghị quyết của HĐQT Công ty K và phải chấm dứt ngay việc tự ý ban hành các văn bản nhân danh Công ty K đối với các vấn đề không thuộc công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty K khi chưa có Nghị quyết của HĐQT Công ty K.

- Buộc ông T phải thực hiện Quyết định số 12/QĐ-KHĐT ngày 25/01/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần 2 của Công

ty K về việc khắc phục vi phạm trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, yêu cầu Công ty K làm lại hồ sơ để cấp lại đăng ký doanh nghiệp lần thứ 5 đã cấp ngày 31/10/2012 có chữ ký đúng của anh Q và các thành viên công ty.

- Buộc ông T với tư cách là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty K phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho Công ty K do vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

+ Bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Công ty K do có lỗi làm chậm tiến độ thực hiện dự án khu nhà ở phố W với số tiền lãi tính đến ngày 14/7/2017 là: 100.038.617.873 đồng do không triển khai thực hiện dự án theo Nghị quyết của HĐQT Công ty ngày 11/01/2013;

+ Bồi thường thiệt hại gây ra cho Công ty K do có lỗi làm Công ty K đã phải nộp tiền phạt chậm nộp ngân sách số tiền 24.472.379.000 đồng.

+ Bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Công ty K theo thông báo của Chi Cục thuế quận Cầu G, thành phố Hà Nội liên quan đến số tiền sử dụng đất hiện Công ty K vẫn nợ ngân sách.

+ Bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Công ty K do có lỗi không xử lý kịp thời khoản vay Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 24/6/2011, là khoản tiền lãi quá hạn (13.479.734.486 đồng), án phí sơ thẩm (195.526.000 đồng) nêu tại Bản án số 11 ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội mà Công ty K phải trả cho Ngân hàng TMCP C và ngân sách Nhà nước.

- Tuyên bố hủy bỏ các văn bản của Công ty K do ông T ký, ban hành trái thẩm quyền và buộc ông T với tư cách là Giám đốc và Chủ tịch HĐQT Công ty K phải chấm dứt ngay hành vi lạm quyền, không được tiếp tục ký, ban hành văn bản thay mặt Công ty K (không thuộc công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty K) gửi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi chưa có nghị quyết của HĐQT Công ty K.

Ngày 09/01/2019, anh Q có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ông T về bồi thường thiệt hại gây ra cho Công ty theo thông báo của Chi cục thuế quận C liên quan đến số tiền sử dụng đất hiện Công ty vẫn nợ ngân sách và rút yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Công ty do có lỗi không xử lý kịp thời khoản vay Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 24/6/2011. Ngày 19/02/2019, anh Q có đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó anh Q chỉ còn khởi kiện ông T không khởi kiện Công ty K (rút yêu cầu khởi kiện đối với Công ty K).

Bị đơn là ông Nguyễn Lương T (do bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

- Tòa án thụ lý vụ án không đúng pháp luật, không phù hợp với diễn biến thực tế của vụ việc, yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ vì:

+ Thực tế không có Nghị quyết ngày 11/01/2013 của HĐQT Công ty K như nguyên đơn nêu, mới chỉ có Biên bản họp của HĐQT ngày 11/01/2013 bàn về việc thực hiện dự án, thành lập Chi nhánh Công ty mang tính phương hướng, chưa xác định thành lập Chi nhánh, chưa có Nghị quyết.

+ Theo quy định, thành phần hồ sơ thành lập Chi nhánh phải gửi kèm theo quyết định của HĐQT nhưng quyết định này chưa có. Chủ tịch HĐQT chưa ký quyết định thành lập Chi nhánh công ty.

+ Sau khi họp bàn về phương hướng thành lập Chi nhánh, Công ty K nhiều lần mời các thành viên họp bàn bạc về các vấn đề cụ thể liên quan để từ Biên bản ra Nghị quyết của HĐQT về việc thành lập Chi nhánh nhưng anh Q không đến họp mà lại muốn tham gia, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chống đối các hoạt động hợp pháp của Công ty, treo băng rôn khẩu hiệu nói xấu Công ty, không thực hiện nghĩa vụ tài chính, không đóng tiền góp vốn vào dự án.

- Đối với nội dung buộc ông Nguyễn Lương T - Giám đốc Công ty K phải chấm dứt ngay việc tự ý triển khai hoặc mạo danh Công ty K để triển khai xây thô các căn nhà tại diện tích đất của Dự án xây dựng khu nhà phố W khi chưa có Nghị quyết của HĐQT Công ty K là không có căn cứ, vì:

+ Tại Biên bản làm việc số 09 ngày 22/10/2012 được gia đình anh Q thỏa thuận cam kết “Phân chia Dự án D4 thành 02 khu vực riêng cho mỗi bên để từng bên tự triển khai, tự quản lý, tự kinh doanh” cùng sơ đồ dự án, bản vẽ có chữ ký xác nhận của các bên thể hiện “mỗi bên được toàn quyền sử dụng xây dựng, kinh doanh tại 14 lô đất riêng, không ai xâm phạm của ai, có 02 lô là sử dụng chung”. Thực tế, Công ty K đang tiến hành xây dựng chỉ ở phần khu vực riêng được phân chia, không lấn sang khu đất của anh Q. Đất dự án của gia đình anh Q và 02 lô đất chung vẫn còn nguyên trạng.

+ Ông T hiện đang là đại diện theo pháp luật cho Công ty K, việc triển khai xây thô nhà mới chỉ giới hạn trong khu vực đã gấp thăm phân chia lô riêng của ông T, bà Kim A1 chứ không phải trên toàn bộ đất dự án như nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện. Do đó, ông T không có sự “mạo danh...” như nguyên đơn nêu.

+ Nội dung bổ sung của nguyên đơn: “Ông T phải chấm dứt ngay việc tự ý triển khai...” hoàn toàn mâu thuẫn với chính những thỏa thuận, ký kết của nguyên đơn tại Biên bản ngày 22/10/2012.

+ Anh Q chỉ là thành viên hình thức của HĐQT Công ty K, vì không có 50.000.000.000 đồng tiền thật trả cho các thành viên về nhận chuyển nhượng vốn điều lệ và có sự giả mạo chữ ký của anh Q. Việc này đã có kết luận của Thanh tra thành phố Hà Nội, Đoàn xác minh liên ngành, trong đó có kết luận của Công an thành phố Hà Nội. Do đó, anh Q không phải là thành viên Công ty K và việc anh Q trở thành thành viên HĐQT Công ty K là bất hợp pháp. Hơn nữa, ông T chỉ tiến hành xây dựng trên ½ đất gấp thăm, phân chia lô do Công ty K tự quản lý, tự triển khai như đúng thỏa thuận với nguyên đơn chứ không phải “trên đất dự án” chung như nguyên đơn bổ sung.

- Đối với nội dung buộc ông T - Giám đốc Công ty K phải chấm dứt ngay việc tự ý ban hành các văn bản nhân danh Công ty là không có căn cứ pháp lý vì ông T hiện là Giám đốc, Chủ tịch HĐQT - người đại diện theo pháp luật cho Công ty K nên được quyền ký các văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT theo các Điều 57, Điều 64 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ngày 24/01/2017, ông T có đơn yêu cầu phản tố với nội dung:

Hợp đồng chuyển nhượng vốn điều lệ số 01/HĐCN-KA và 02/HĐCN-KA, các văn bản có liên quan đến việc chuyển nhượng vốn điều lệ giữa anh Đoàn Minh Q với ông Nguyễn Lương T, bà Nguyễn Kim A tại hồ sơ đăng ký doanh nghiệp ngày 16/10/2012 vô hiệu do giả mạo về chữ ký, giả mạo về số tiền 50.000.000.000 đồng chuyển nhượng vốn điều lệ. Không có việc anh Q chuyển 50.000.000.000 đồng nhận chuyển nhượng vốn điều lệ bằng tiền mặt hay chuyển khoản cho ông T, bà Kim A; không có việc khấu trừ 50.000.000.000 đồng từ số tiền 200.000.000.000 ông V đã nộp vào dự án D4 nên anh Q không phải là thành viên Công ty. Căn cứ khoản 1 Điều 31 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không có căn cứ khởi kiện nên Tòa án không thể thụ lý vụ án.

Ngày 30/8/2017, ông T, bà Kim A và Công ty K do ông T là Giám đốc và là người đại diện có đơn khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng vốn điều lệ ngày 16/10/2012 là vô hiệu. Theo đó, anh Q không phải là thành viên hợp pháp chính thức của Công ty K; ra quyết định thu hủy GCNĐKDN thay đổi lần thứ 05 đã cấp cho Công ty K, đồng thời khôi phục GCNĐKDN gần nhất cho Công ty K.

Ngày 17/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý sơ thẩm số 38 về việc tranh chấp giữa thành viên công ty; theo đó, nguyên đơn là ông Nguyễn Lương T, bà Nguyễn Kim A và Công ty K; bị đơn là Đoàn Minh Q và ông Đoàn Văn V.

Ngày 10/11/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có quyết định nhập vụ án và xác định nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q; bị đơn là ông Nguyễn Lương T và Công ty K, trong đó ông T và Công ty K là bị đơn có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Kim A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Đoàn Văn V và bà Đỗ Thị Kim N (do ông Đoàn Văn V là người đại diện theo ủy quyền) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Kim A (do ông Nguyễn Lương Thế là người đại diện theo ủy quyền) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Lương T.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 06/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Đoàn Minh Q đối với bị đơn - ông Nguyễn Lương T. Buộc ông Nguyễn Lương T - Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K phải tiến hành các thủ tục thành lập

Chi nhánh của Công ty TNHH K theo Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 11/01/2013.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q về việc khởi kiện bị đơn là Công ty TNHH K; đình chỉ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q về việc yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Lương T bồi thường thiệt hại gây ra cho Công ty TNHH K theo thông báo của Chi cục thuế quận C liên quan đến số tiền sử dụng đất hiện Công ty TNHH K vẫn nợ ngân sách và yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Công ty do có lỗi không xử lý kịp thời khoản vay Ngân hàng TMCP C theo hợp đồng tín dụng số 01 ngày 24/6/2011, là khoản tiền lãi quá hạn (13.479.734.486 đồng) án phí sơ thẩm (195.526.000 đồng) nêu tại Bản án số 11 ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Đống Đ mà Công ty TNHH K phải trả cho Ngân hàng TMCP C và ngân sách Nhà nước.

Tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q đối với bị đơn là ông Nguyễn Lương T để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q đề nghị buộc bị đơn là ông Nguyễn Lương T - Giám đốc Công ty K phải chấm dứt ngay việc tự ý triển khai hoặc mạo danh Công ty TNHH K để triển khai xây thô các căn nhà tại diện tích đất của dự án xây dựng khu nhà ở phố W khi chưa có Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q đề nghị bị đơn là ông Nguyễn Lương T phải chấm dứt ngay việc tự ý ban hành các văn bản nhân danh Công ty TNHH K đối với các vấn đề không thuộc công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty TNHH K khi chưa có Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty TNHH K.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Nguyễn Lương T và yêu cầu độc lập của Công ty TNHH K và bà Nguyễn Kim A về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 và 02 ngày 16/10/2012 vô hiệu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Văn V có đơn kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

Ngày 14/3/2019, ông Nguyễn Lương T, Công ty TNHH K và bà Nguyễn Kim A có đơn kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 13/2019/KDTM-PT ngày 12/8/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q, bị đơn là ông Nguyễn Lương T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH K, bà Nguyễn Kim A, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 15/9/2023, ông Nguyễn Lương T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2024/KN-KDTM ngày 08/3/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 13/2019/KDTM-PT ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm huỷ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên và huỷ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Năm 2008, Công ty K trúng đấu giá quyền sử dụng Lô A - D4 Khu đô thị mới Cầu G, Hà Nội với diện tích 4.944,4m² (theo Quyết định số 253/QĐ-TN&MT ngày 24/12/2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội).

[2] Ngày 20/11/2009, Công ty K (gồm có ông Nguyễn Lương T và vợ là bà Nguyễn Kim A là 02 thành viên Công ty) ký Hợp đồng góp vốn kinh doanh dự án khu đất nêu trên với vợ chồng ông Đoàn Văn V và bà Đỗ Thị Kim N; phương thức góp vốn tiền mặt, mỗi bên 50%.

[3] Ngày 02/3/2012, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định số 1034/QĐ-UBND cho phép Công ty K chuyển mục đích sử dụng 4.944,4m² đất tại Lô A - D4 để xây dựng khu nhà ở phố W. Ngày 12/8/2012, Công ty K và ông V lập Biên bản xác nhận vốn góp vào dự án “Khu nhà ở phố W” tại khu đất nêu trên, trong đó Công ty K xác nhận ông V đã chuyển đầy đủ 50% số vốn góp theo Hợp đồng góp vốn ngày 20/11/2009.

[4] Ngày 16/10/2012, ông T và bà Kim A ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/HĐCN-KA và số 02/HĐCN-KA cho anh Q (viết tắt là Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 và 02), Giấy xác nhận về việc hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp. Theo đó, bà Kim A chuyển nhượng phần vốn góp 45.000.000.000 đồng (chiếm 45% vốn điều lệ Công ty), ông T chuyển nhượng 5.000.000.000 đồng phần vốn góp (chiếm 5% vốn điều lệ Công ty) cho anh Đoàn Minh Q đứng tên sở hữu. Cùng ngày 16/10/2012, Công ty K họp Hội đồng thành viên về việc chuyển nhượng 50% vốn điều lệ cho anh Q. Đồng thời, Công ty K đã làm các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh, cụ thể thay đổi cơ cấu vốn góp

như sau: Ông T góp 45.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 45% vốn điều lệ; bà Kim A1 góp 5.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5% vốn điều lệ; anh Q góp 50.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ. Các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh này đều do ông V ký mà không phải anh Q. Ngày 31/10/2012, Công ty K được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 5. Việc ông V ký thay anh Q đối với các Giấy tờ thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là không đúng quy định.

[5] Ngày 22/10/2012, Công ty K, ông T, bà Kim A và ông V, bà N tiếp tục lập Biên bản thỏa thuận số 09/BBTT về việc tiếp tục triển khai thực hiện Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 20/11/2009. Trong đó, có nội dung ông V, bà N đồng ý ủy quyền cho con trai là anh Q thay mặt ông V, bà N đứng tên toàn bộ phần vốn góp chiếm tỷ lệ 50% dự án tương đương 50% vốn điều lệ Công ty K theo phương thức: *Anh Q thay mặt ông V, bà N đứng tên sở hữu 50% vốn điều lệ của Công ty K. Tại Điều 4, Điều 5 của Biên bản thỏa thuận số 09/BBTT thể hiện “Phần góp vốn với tỷ lệ 50% của anh Q trong Công ty K chỉ liên quan đến dự án Khu đất D4, không liên quan đến bất cứ tài sản hoặc dự án nào khác hiện có của Công ty K. Sau khi dự án hoàn thành, anh Q có nghĩa vụ chuyển nhượng lại 50% vốn điều lệ của Công ty K cho ông T và bà Kim A”*. Như vậy, căn cứ vào Biên bản thỏa thuận nêu trên có cơ sở xác định việc anh Q đứng tên 50% vốn điều lệ của Công ty K chỉ là hình thức để đảm bảo cho Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 20/11/2009 giữa các bên.

[6] Ông T, bà Kim A và Công ty K cho rằng Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 và 02 nêu trên vô hiệu do giả tạo nhằm che giấu cho Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 20/11/2009 và Biên bản thỏa thuận số 09/BBTT ngày 22/10/2012. Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận số 09/BBTT nêu trên thấy rằng việc ông T, bà Kim A tiến hành ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 và 02 cho anh Q chỉ là hình thức để đảm bảo cho Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 20/11/2009 giữa Công ty K, ông T, bà Kim A với ông V và bà N. Tại Thông báo số 189/PC46-Đ9 ngày 14/9/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội về kết quả giải quyết đơn kiến nghị của ông T và Báo cáo số 1881/TTTP-P1 ngày 04/7/2016 của Thanh tra thành phố Hà Nội cũng đều khẳng định không có việc chuyển nhượng vốn, thanh toán vốn chuyển nhượng giữa các bên mà chỉ là hình thức để làm thủ tục xin thay đổi đăng ký kinh doanh. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các bên không tranh chấp Hợp đồng góp vốn ngày 20/11/2009 và Biên bản thỏa thuận số 09/BBTT ngày 22/10/2012 nên không xem xét, trong khi đây là tài liệu chứng cứ quan trọng để giải quyết yêu cầu của đương sự là vi phạm Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về đánh giá chứng cứ. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội là vi phạm quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005; từ đó, không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà Kim A và Công ty K là giải quyết không đúng với bản chất của vụ án. Bởi lẽ, bên cạnh dự án Khu nhà ở phố W tại Lô A - D4, Công ty K còn nhiều tài sản và dự án khác. Trường hợp anh Q đứng tên sở hữu 50% vốn điều lệ sẽ làm ảnh

hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty K. Thực tế 50% vốn điều lệ anh Q đứng tên sở hữu chỉ là hình thức để đảm bảo cho việc góp vốn tại Dự án D4, không liên quan đến các tài sản và dự án khác của Công ty K.

[7] Quá trình đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, ông T cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là Công văn số 637/PC03-Đ8 ngày 14/3/2023 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an thành phố Hà Nội; trong đó, Công an thành phố Hà Nội cung cấp Biên bản đối chất ngày 26/8/2016 giữa ông V với ông T và Biên bản ghi lời khai của anh Q ngày 26/8/2016 tại trụ sở Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội (các Văn bản này đều có đóng dấu sao y của Văn phòng Công chứng T). Nội dung Biên bản ghi lời khai nêu trên, anh Q khẳng định: *Việc chuyển nhượng vốn đều do bố tôi là Đoàn Văn V thực hiện, tôi cũng không biết cụ thể nội dung ra sao, chỉ biết bố tôi bảo với tôi là đã thống nhất với ông T, bà Kim A để tôi đứng tên thành viên vốn góp trong Công ty K để quản lý vốn góp của bố tôi trong dự án D4, không có việc tôi trả ông T, bà Kim A 50 tỷ đồng để chuyển nhượng vốn góp.* Tại Biên bản đối chất ngày 26/8/2016 cũng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, ông V trình bày “... nhưng thực tế về 50% vốn góp trong Công ty K, tôi và con tôi không phải trả cho ông T số tiền 50 tỷ. Sau khi dự án kết thúc, con tôi sẽ làm thủ tục rút tên ra khỏi công ty, ông T không phải trả lại 50 tỷ đồng cho tôi và con tôi”. Như vậy, nội dung hai Văn bản nêu trên đều được ông V và anh Q khẳng định là không có việc chuyển nhượng vốn góp, đây chỉ là hình thức đảm bảo thực hiện Hợp đồng góp vốn ngày 20/11/2009 tại dự án D.

[8] Do đó, có căn cứ khẳng định và làm rõ thêm Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 và 02 giữa ông T, bà Kim A với anh Q chỉ là Hợp đồng giả tạo nhằm che giấu cho Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 20/11/2009 và Biên bản thỏa thuận số 09/BBTT ngày 22/10/2012 giữa Công ty K, ông T, bà Kim A với ông V và bà N. Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 và 02 nêu trên vô hiệu do giả tạo nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập; các bên thừa nhận không giao nhận số tiền 50.000.000.000 đồng nên về hậu quả của Hợp đồng vô hiệu là không xảy ra. Theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005 thì Hợp đồng góp vốn tại Dự án D4 có hiệu lực pháp luật, nhưng do các bên không có tranh chấp về việc này nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà Kim A, Công ty K về tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01 và 02 ngày 16/10/2012 vô hiệu do giả tạo là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ nêu trên, vi phạm Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về đánh giá chứng cứ, Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[10] Bên cạnh đó, do anh Q không phải là thành viên của Công ty K nên Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 11/01/2013 của Công ty K không có giá trị pháp lý. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q về việc buộc ông T, bà Kim A và Công ty K phải thành lập Chi

nhánh của Công ty K theo Biên bản họp Hội đồng thành viên nêu trên là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2024/KN-KDTM ngày 08/3/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 13/2019/KDTM-PT ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án “*Tranh chấp giữa các thành viên công ty*” giữa nguyên đơn là anh Đoàn Minh Q với bị đơn là ông Nguyễn Lương T và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC - Vụ 10;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GDKT II TANDTC (3 bản), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Phúc